

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT

Ngày 23-01-2021

V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất  
và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Kim Cửa

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị P Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TLPT-DS ngày 11/11/2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2020/QĐ-PT ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Dương Thanh H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 430/57/3, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà 105A Đồng Văn Cống, ấp Bình Thành, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị H - Văn phòng Luật sư BT (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Dương Thị H, sinh năm 1959 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 264C, Khu phố 2, Phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 49, ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị H:* Luật sư

Nguyễn Anh T - Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1. Ông Nguyễn Dương P, sinh năm 1987*

Tạm trú: Số nhà 49, ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Dương P:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 49, ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*3.2. Bà Dương Thị Q, sinh năm 1957*

Địa chỉ: Ấp Đồng Nhơn (Ấp 1), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Q:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đồng Nhơn (Ấp 1), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*3.3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1927*

Địa chỉ: Số nhà 49, ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Số nhà 33/5M, Tổ 2, ấp Mỹ Hòa 3, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S:* Bà Nguyễn Thụy Hồng T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 105A, đường Đồng Văn Cống, ấp Bình Thành, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*3.4. Bà Võ Thị N, sinh năm 1939 (xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 39, ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*3.5. Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre*

Địa chỉ trụ sở: Ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Huỳnh P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

*4. Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Dương Thanh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh H và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:*

Ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S có ba người con là: Dương Thị Q, Dương Thị H và Dương Thanh H. Ngày 26/5/2000, ông H1 và bà S khi còn minh mẫn đã lập Tờ tương phân chia toàn bộ tài sản của ông H1 và bà S cho các con và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre chứng thực chữ ký ngày 04/01/2001. Nội dung Tờ tương phân cụ thể như sau:

*“Vợ chồng tôi phân chia đất vườn cho ba con như sau:*

*\* Thứ 2 - Dương Thị Q, sinh năm 1957.*

*Vợ chồng tôi cho phần thừa kế anh ba Cói 2.900m<sup>2</sup> đất vườn được đứng bộ sổ đỏ đóng thuế nhà nước. Vợ chồng tôi nói con cất nhà ở đất cha mẹ cho thì bất tiện, cha mẹ cho con cất nhà ở tạm kế bên cha mẹ phần đất này cha mẹ cho thằng H rồi chừng nào thằng H biểu con rời nhà đi thì phải đi không được đòi hỏi điều gì hết.*

*Một thời gian anh ba Chùa Nhung bán đất vợ chồng tôi mua cho con là hai Q phần đất vườn sao cất nhà về đó ở.*

*\* Thứ ba - Dương Thị H cho phần đất kế anh Trần Minh Hiếu 2.850m<sup>2</sup> đứng bộ sổ đỏ đóng thuế cho nhà nước.*

*\* Thứ tư - Dương Thanh H sanh năm 1970 cha mẹ cho con nhà với tài sản trong nhà với toàn bộ đất vườn, vợ chồng tôi đồng ý cho Dương Thanh H đứng bộ để sau này cúng giỗ ông bà phụng dưỡng cha mẹ.*

*Tổng số đất gồm các thửa đất mà vợ chồng tôi đang đứng tên trong sổ đỏ số A: 426245 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26 tháng 7 năm 1991”.*

Theo tờ tương phân này thì bà Dương Thị Q, bà Dương Thị H và ông Dương Thanh H đồng ý và ký tên.

Năm 2001, ông H1 và bà S có mâu thuẫn về đường đi trên phần đất cho bà Q trong Tờ tương phân nên ông H1 và bà S ủy quyền cho bà H thay mặt ông H1 và bà S khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp về đường đi này. Ông H1 và bà S đã đưa Tờ tương phân bản gốc cho bà H làm bằng chứng nộp cho Tòa án. Sau đó, bà H giữ bản gốc không có trả lại cho ông H1 và bà S.

Năm 2005, ông H1 và bà S tách các thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A: 426245 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/7/1991 gồm các thửa đất số: 642, 643, 644, 754, 756, 1437, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 8900m<sup>2</sup> mà trong Tờ tương phân đã cho ông H thành nhiều Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 100492, AĐ 100493, AĐ 100494, AĐ 100495 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 24/11/2005.

Năm 2008, ông H1 và bà S lập các tờ di chúc như sau: Số 05 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 06 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 07 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC ngày 29/7/2008.

Như vậy, các thửa đất và toàn bộ tài sản, hoa lợi trên đất nói trên đã được cha mẹ cho ông H vào năm 2000. Do đó, việc ông H1 và bà S lập 03 di chúc năm 2008 định đoạt tài sản cho ông H và bà H khi chết là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Ông H1 chết ngày 08/4/2016, hiện nay bà Q, bà H đã được sang tên phần đất mà mình được tặng cho. Riêng ông H chưa được sang tên phần đất được tặng cho theo Tờ tương phân. Hiện nay, bà H đang sử dụng căn nhà và thu hoa lợi trên phần đất mà ông H1 và bà S đã tặng cho ông H.

Bà Nguyễn Thị S và bà Dương Thị Q khẳng định vẫn giữ nguyên ý kiến trong Tờ tương phân nhưng bà H vẫn chiếm giữ phần đất mà ông H1 và bà S đã

tặng cho ông H.

Nay ông Dương Thanh H khởi kiện như sau:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên bố các di chúc Số 05 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 06 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 07 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC ngày 29/7/2008 là di chúc vô hiệu.

2. Yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị H và ông Nguyễn Dương P giao cho ông Dương Thanh H các thửa đất và toàn bộ tài sản, hoa lợi trên các thửa đất sau:

- Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11, diện tích 68,4m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất nghĩa địa, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 11, diện tích 962,9m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.451,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn diện tích 300m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm diện tích 6.151,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.247,7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Dương Thị H trình bày:*

Tờ tương phân được lập vào năm 2000 là do cha mẹ bà quyết định, các con trong đó có bà, ông H, bà Q chỉ ký tên vào tờ tương phân chỉ để chứng minh các con biết được sự việc này, những người con không có quyền định đoạt về tài sản. Ngoài ra, phần đất bà được chia trong Tờ tương phân bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991, diện tích là 2850m<sup>2</sup>; do đó, việc phân chia nêu trong Tờ tương phân chỉ là thủ tục không mang tính chất của một hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; khi lập Tờ tương phân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/01/2001, ông H chưa ký tên vào tờ tương phân này. Vì vậy, Tờ tương phân trên không phải là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Tài sản được nêu trong Tờ tương phân là của cha mẹ bà còn đứng tên nên cha mẹ bà có quyền thay đổi việc tặng cho ai, ông H và bà Q, cũng như bà không có quyền định đoạt.

Theo nội dung Tờ tương phân ông H được nhận phần tài sản trên thì phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, ông H không thực hiện nghĩa vụ này trong suốt thời gian từ năm 2000 cho đến nay. Vì vậy, cha mẹ bà thay đổi ý định. Đối với thời hiệu khởi kiện, ông H cho rằng đến năm 2016 ông H mới biết được quyền lợi của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu ngày 05/4/2016 do ông H nộp tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre thì ông H thừa nhận có biết được việc cha mẹ đã lập di chúc nhưng chưa được xem và cũng thừa nhận trong thời gian 20 năm qua ông H không thường xuyên về nhà. Điều đó, chứng minh được việc ông H có biết nhưng không tranh chấp và cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ nêu trong Tờ tương phân. Đối với căn nhà trên đất trước đây có 03 nhân khẩu là ông H1, bà S và con bà là Nguyễn Dương Khánh, sinh năm 1992 cùng ở. Hiện nay các phần đất do ông H1 và bà S đứng tên do bà

quản lý, sử dụng và ở cùng 02 con là Nguyễn Dương Khánh, sinh năm 1992 và Nguyễn Dương P, sinh năm 1987; còn phần đất thuộc thửa số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.247,7m<sup>2</sup> do bà Q quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu hủy ba tờ di chúc, bà không đồng ý vì khi lập tờ di chúc bà S và ông H1 vẫn còn minh mẫn, bà S và ông H1 là người am hiểu chữ nghĩa và cũng biết được nội dung cũng như hậu quả pháp lý của các tờ di chúc trên và tự nguyện lập các tờ di chúc theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Do đó, lý do phía đại diện của S đưa ra bà không đồng ý, còn bà Q cho rằng không biết việc lập di chúc là đúng vì trước đây bà Q có tranh chấp lời đi với ông H1 và bà S, từ đó giữa hai bên đã không còn liên hệ với nhau và bà Q cũng không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong các Tờ di chúc nên không cần phải biết.

*Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bà S trình bày:*

Bà S đồng ý với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Tờ tương phân vào ngày 26/5/2000 của ông H. Ngoài ra, bà S có yêu cầu hủy ba Tờ di chúc được lập vào ngày 29/7/2008 của bà S và ông H1 vì các tờ di chúc trên không đúng quy định pháp luật do các tài sản trong di chúc đã được phân chia vào năm 2000. Lý do vào năm 2008 mà bà S lập di chúc vì bà H nói với bà S lập di chúc để sang tên quyền sử dụng đất cho ông H được dễ dàng hơn nên ông H1 và bà S mới lập di chúc, ý kiến về việc phân chia đất cho ông H vẫn không thay đổi.

*Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Q và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày:*

Đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Tờ tương phân vào ngày 26/5/2000 của ông H thì bà Q đồng ý, hiện bà Q đang quản lý phần đất thuộc thửa số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 2247.7m<sup>2</sup> như lời bà H trình bày; bà Q đồng ý giao lại thửa đất này cho ông H và không yêu cầu bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất. Cha mẹ bà Q đã lập Tờ tương phân thì cứ theo đó mà thực hiện, các chị em đã nhận phần rồi thì phần còn lại của ông H. Thửa đất số 197, tờ bản đồ 11, diện tích 2247.7m<sup>2</sup>, bà Q đã quản lý, sử dụng từ ngày 19/8/2016 cho đến nay.

*Tại biên bản ghi ý kiến ngày 17/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N trình bày:*

Bà là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre giáp ranh với thửa số 121, tờ bản đồ số 11 đang tranh chấp giữa ông Dương Thanh H và bà Dương Thị H. Theo kết quả đo đạc thì hiện trạng sử dụng đất của bà có lệch so với ranh bản đồ địa chính là 55.4m<sup>2</sup>, thửa số 1/126a. Tuy nhiên, bà đồng ý với kết quả đo đạc này. Trong vụ án đang tranh chấp giữa ông H và bà H thì bà không có tranh chấp gì, nếu sau này bà có tranh chấp phần diện tích 55.4m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong vụ án này.

*Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến*

*Tre đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Dương P nhưng P vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông P.*

*Tại Văn bản số 07/UBND-TP ngày 07/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre trình bày:*

Vào ngày 02/8/2008, Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre có xác lập di chúc của ông Dương Văn H1, sinh năm 1926 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1927. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đồng Nhơn, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Qua xem xét hồ sơ vào ngày 29/7/2008, ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S có xác lập di chúc như sau:

- Di sản để lại và nơi có tài sản thừa số 120, tờ bản đồ số 11, diện tích 962,9m<sup>2</sup>; thửa số 107, tờ bản đồ số 11, diện tích 68,4m<sup>2</sup>; tọa lạc tại ấp Đồng Nhơn. Di chúc cho Dương Thị H, đăng ký thường trú 264C, khu phố 2, phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Di chúc được Ủy ban nhân dân xác lập số 05/2008. Quyền I ngày 02/8/2008. Do Chủ tịch Nguyễn Văn Sung ký.

- Di sản để lại và nơi có tài sản thừa số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.247,7m<sup>2</sup>; tọa lạc tại ấp Đồng Nhơn. Di chúc cho Dương Thanh H, đăng ký thường trú 49, ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Di chúc được Ủy ban nhân dân xác lập số 06/2008. Quyền I ngày 02/8/2008. Do Chủ tịch Nguyễn Văn Sung ký.

- Di sản để lại và nơi có tài sản thừa số 121, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.451,1m<sup>2</sup>; tọa lạc tại ấp Đồng Nhơn. Di chúc cho Dương Thị H và Dương Thanh H. Di chúc được Ủy ban nhân dân xác lập số 07/2008. Quyền I ngày 02/8/2008. Do Chủ tịch Nguyễn Văn Sung ký.

Ông Cao Minh H là Công chức Tư pháp của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2008 cho rằng: Ông tiếp nhận và tham mưu chứng thực di chúc ngày 29/7/2008 của ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Khi ông thực hiện chứng thực di chúc trên thì nội dung các tờ di chúc của ông H1 và bà S đã được đánh máy sẵn, do chính ông H1 và bà S nộp các tờ di chúc cho ông, lúc đó bà Dương Thị H cũng có mặt chứng kiến. Ông không biết nội dung các tờ di chúc do ai đánh máy và cũng không lập biên bản làm rõ nội dung do ai đánh máy nhưng nội dung các tờ di chúc thì ông có đọc lại cho các bên cùng nghe, các bên thống nhất nội dung di chúc, đồng ý ký tên và lấn tay trong các tờ di chúc. Việc chứng thực các tờ di chúc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng khoản 5 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 626 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H về việc tuyên bố các di chúc Số 05 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 06 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 07 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC ngày 29/7/2008 là di chúc vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H về việc yêu cầu bà Dương Thị H và ông Nguyễn Dương P giao trả các thửa đất và toàn bộ tài sản trên các thửa đất như sau: Thửa số 107, tờ bản đồ số 11, diện tích 68.4m<sup>2</sup>; thửa số 120, tờ bản đồ số 11, diện tích 962.9m<sup>2</sup>; thửa số 121, tờ bản đồ số 11, diện tích 6451.1m<sup>2</sup>; thửa số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 2247.7m<sup>2</sup>; cùng tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/8/2020, nguyên đơn ông Dương Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo Ông H trình bày: (1) Tờ tương phân đã được thực hiện hơn 2/3 nội dung nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên ông H1, bà S không còn tài sản để phân chia; (2) Tòa án sơ thẩm lập luận di chúc có sau tờ tương phân nên nội dung định đoạt phần tài sản được thay thế bằng tờ tương phân là không phù hợp. Hơn nữa, khi tranh chấp đất với bà Q (sau ngày lập di chúc) nhưng ông H1 hoàn toàn không nhắc đến di chúc, chứng tỏ ông H1 giữ nguyên ý chí khi phân chia đất theo tờ tương phân; (3) Bản thân bà S khẳng định bà bị lừa dối nhưng cấp sơ thẩm cho rằng bà không có chứng cứ chứng minh cho việc bị lừa dối là không phù hợp; (4) Tờ tương phân được lập có tất cả 05 người, hiện nay chỉ có bà H là không thực hiện theo nội dung này, cố tình chiếm đất của ông; (5) Giấy khám sức khỏe của ông H1, bà S không phù hợp để lập di chúc; (6) Cấp sơ thẩm đánh đồng giữa di chúc và tờ tương phân là không đúng, tờ tương phân năm 2000 đã phát sinh quyền tài sản của ông, ông H1 và bà S không còn tài sản. Nếu muốn lập di chúc thì phải hủy bỏ việc phân chia tài sản đã cho ông trong tờ tương phân một cách hợp pháp. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tờ tương phân được lập thành văn bản, có chứng thực nên có hiệu lực thi hành, do đó nguyên đơn yêu cầu bà H và ông P giao trả phần đất tranh chấp là có căn cứ. Bà H thừa nhận có nhận đất nên tờ tương phân đã được thực hiện hơn 2/3, đồng thời bà S cũng có nguyện vọng tiếp tục giao đất cho ông H nên tờ tương phân cần tiếp tục thực hiện. Tờ tương phân cấp sơ thẩm nhận định có giá trị như tờ di chúc và cho rằng di chúc sau cùng bác bỏ nội dung tờ tương phân là không đúng, bởi vì nếu xem tờ tương phân như di chúc thì bà H, bà Q nhận đất từ năm 2000 khi ông H1, bà S vẫn còn sống là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà H không đồng ý với nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: Nguyên đơn cho rằng tờ tương phân đã có hiệu lực nên không còn tài sản để lập di chúc là không đúng vì tài sản là bất động sản nên phải được đăng ký, ông H chưa đăng ký nên chưa có hiệu lực theo quy

định. Do tờ tương phân chưa có hiệu lực nên tài sản vẫn còn là của ông H1, bà S nên ông bà có quyền định đoạt bằng di chúc. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng di chúc vô hiệu vì giấy khám sức khỏe của Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Bến Tre không phù hợp để lập di chúc, tuy nhiên thực tế Trung tâm có chức năng này nên kháng cáo này là không có căn cứ. Ba bản di chúc số 05, 06, 07 được lập một cách hợp pháp cả về nội dung và hình thức, ông H1 chết năm 2016 nên có một phần đã phát sinh hiệu lực. Tài sản vẫn là của ông H1, bà S nên bà H không có thẩm quyền trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn, hơn nữa trong các thửa đất có một phần do bà Q quản lý nên yêu cầu bà H trả là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà Q đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông H chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất mà ông cho rằng đã được cha mẹ cho theo tờ tương vào năm 2000 phân nên việc tặng cho chưa có hiệu lực. Đến năm 2005, các thửa đất tranh chấp được cấp đổi vẫn còn đứng tên ông H1, bà S. Năm 2008, ông H1, bà S lập di chúc lập hợp pháp để định đoạt các phần đất này, có giấy khám sức khỏe thể hiện đủ sức khỏe để lập di chúc. Mặc dù, bà S thừa nhận có ký tên trong tờ tương phân và đồng ý tiếp tục thực hiện tờ tương phân nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bà không kháng cáo, đồng thời bà vẫn có quyền yêu cầu trong vụ án khác. Hơn nữa, bà Q đang quản lý một phần đất tranh chấp nhưng ông H yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ phần đất tranh chấp là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thanh H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Dương Thanh H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Dương Thanh H yêu cầu bà Dương Thị H tiếp tục thực hiện theo tờ tương phân của cha mẹ ông H là ông Dương Văn H1 (chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị S lập ngày 26/5/2000 đối với các thửa đất: Thửa số 107, diện tích 68.4m<sup>2</sup>, loại đất NTD; thửa số 120, diện tích 962.9m<sup>2</sup>, loại đất CLN (đo đạc thực tế 962.8 m<sup>2</sup>); thửa số 121, diện tích 6451.1m<sup>2</sup>, loại đất ONT + CLN (đo đạc thực tế 6321.9m<sup>2</sup>); thửa số 197, diện tích 2247.7m<sup>2</sup>, loại đất CLN (đo đạc thực tế 2247.6m<sup>2</sup>), cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Dương Thị H và ông Nguyễn Dương P đang quản lý, sử dụng thửa số

107, 120, 121, cùng tờ bản đồ số 11; bà Dương Thị Q đang quản lý, sử dụng thửa số 197, tờ bản đồ số 11. Đồng thời, ông Dương Thanh H yêu cầu Tòa án tuyên bố các di chúc Số 05 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 06 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC, Số 07 quyền số I-TP/CC-SCT/DCTC ngày 29/7/2008 là di chúc vô hiệu.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp các bên đương sự trình bày thống nhất là của ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Ông H1 và bà S có ba người con là: Bà Dương Thị Q, bà Dương Thị H và ông Dương Thanh H.

Ông H căn cứ Tờ tương phân ngày 26/5/2000, có chữ ký của ông H1, bà S, bà Q, bà H, ông H; được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre ngày 04/01/2001 cho rằng phần đất tranh chấp là của ông được ông H1, bà S cho vào năm 2001 nên việc bà H cung cấp các tờ di chúc, không đồng ý giao trả đất cho ông là không đúng.

[3] Qua nội dung khởi kiện của ông H, ông nêu rõ yêu cầu được tiếp tục thực hiện theo tờ tương phân do cha mẹ là ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị S lập ngày 26/5/2000 để ông được sang tên quyền sử dụng các thửa đất mà ông được tặng cho và toàn bộ tài sản trên đất. Như vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H với bà S và những người thừa kế của ông H1. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 17/7/2017, bà S có ý kiến *“tôi khẳng định vẫn giữ nguyên ý kiến của mình trong tờ tương phân mà vợ chồng tôi đã lập ngày 26/5/2000. Tôi yêu cầu các con phải tôn trọng ý kiến và thực hiện đúng theo nguyện vọng của vợ chồng tôi trong tờ tương phân mà chúng tôi đã lập ngày 26/5/2020”* và trong suốt quá trình tố tụng bà S, người đại diện theo ủy quyền của bà S vẫn giữ nguyên quan điểm này. Do đó, bà S đã đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông H. Tuy nhiên, cấp sơ xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là xác định sai quan hệ tranh chấp, dẫn đến xác định sai tư cách tham gia tố tụng của bà S, không xem xét ý kiến nêu trên của bà S gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Những thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Do bản án bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên ông Dương Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;\

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu” giữa nguyên đơn ông Dương Thanh H

với bị đơn bà Dương Thị H, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện G để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Dương Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002411 ngày 07 tháng 08 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**